

BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ
MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG
(Theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin đơn vị

- Tên cơ sở giáo dục: Trường THCS Nghĩa Thương
- Địa chỉ: Thôn La Hà 4, xã Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi
- Điện thoại: 0255.3845.111
- Email: c2nghiahuong.tungghia@quangngai.edu.vn
- Website/Công thông tin điện tử: <http://c2nghiahuongtn.quangngai.edu.vn>
- Thông tin liên hệ: Ông Phạm Nhân Tạo – Hiệu trưởng – SĐT: 0914 159 560

2. Số lượng cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh của đơn vị

- Tổng số cán bộ quản lý: 02
- Tổng số giáo viên: 34
- Tổng số nhân viên: 03
- Tổng số học sinh: 623 học sinh

3. Nhân lực thực hiện chuyển đổi số của đơn vị

- Thành lập Tổ công nghệ thông tin gồm 08 thành viên.
- Có 01 giáo viên phụ trách quản trị hệ thống CNTT của nhà trường (bổ trí giáo viên dạy Tin học kiêm nhiệm).
- 100% cán bộ, giáo viên sử dụng thành thạo các phần mềm quản lý và dạy học trực tuyến.

4. Cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin của đơn vị

- Nhà trường có hệ thống mạng Internet cáp quang phủ toàn bộ khuôn viên trường, có 02 đường truyền internet và 02 mạng wifi
- Tổng số máy tính dùng cho dạy học: 24 máy.
- Tổng số máy tính dùng cho hành chính văn phòng: 8 máy.
- Có 01 phòng tin học phục vụ giảng dạy.
- 100% phòng học được trang bị tivi phục vụ dạy học.
- Có hệ thống camera an ninh và 02 hệ thống wifi phục vụ công tác quản lý, dạy học.

II. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI

1. Công tác chỉ đạo

Thực hiện các văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND xã Tư Nghĩa về đẩy mạnh chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo, nhà trường đã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện chuyển đổi số gắn với nhiệm vụ năm học và điều kiện thực tế của đơn vị.

Nhà trường đã thành lập Ban Chỉ đạo chuyển đổi số do đồng chí Hiệu trưởng làm Trưởng ban; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên phụ trách các lĩnh vực như: quản lý dữ liệu, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, quản trị hệ thống, truyền thông và hỗ trợ kỹ thuật. Đồng thời, nhà trường thường xuyên quán triệt, tuyên truyền đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên về vai trò, ý nghĩa và tầm quan trọng của chuyển đổi số trong công tác quản lý và giảng dạy.

Trong quá trình triển khai, nhà trường đã đưa nội dung chuyển đổi số vào nghị quyết, kế hoạch năm học và tiêu chí thi đua của các tổ chuyên môn, cá nhân cán bộ, giáo viên. Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện được tiến hành thường xuyên nhằm kịp thời tháo gỡ khó khăn, điều chỉnh và nâng cao hiệu quả thực hiện.

Nhà trường cũng tích cực phối hợp với các đơn vị cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin để triển khai các phần mềm phục vụ quản lý, giảng dạy và học tập; đảm bảo tính đồng bộ trong việc sử dụng cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và các hệ thống phần mềm dùng chung.

2. Tổ chức tự đánh giá của đơn vị

Căn cứ Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên, nhà trường đã xây dựng kế hoạch tự đánh giá mức độ chuyển đổi số của đơn vị.

Nhà trường thành lập Hội đồng tự đánh giá gồm lãnh đạo nhà trường, tổ trưởng chuyên môn, giáo viên phụ trách công nghệ thông tin và các bộ phận liên quan. Hội đồng tự đánh giá tiến hành nghiên cứu các tiêu chí, chỉ số đánh giá; rà soát thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong dạy học và quản trị nhà trường.

Các thành viên được phân công nhiệm vụ cụ thể trong việc thu thập minh chứng, tổng hợp số liệu, đối chiếu các tiêu chí và tự chấm điểm theo quy định. Quá trình đánh giá được thực hiện khách quan, công khai, đúng thực tế và có sự thống nhất trong tập thể nhà trường.

Bên cạnh đó, nhà trường tổ chức họp Hội đồng để thảo luận, phân tích những kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai chuyển đổi số; từ đó xác định phương hướng, giải pháp nâng cao chất lượng chuyển đổi số trong thời gian tới.

Thông qua công tác tự đánh giá, nhà trường đã nhận diện rõ mức độ đáp ứng các yêu cầu chuyển đổi số theo quy định; đồng thời nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc ứng dụng công nghệ số vào các hoạt động giáo dục và quản lý.

III. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Chuyển đổi số trong dạy, học

Tiêu chí 1.1

a) Kết quả triển khai:

Nhà trường ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến.

b) Minh chứng: Kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến số 05, ngày 20/9/2025.

c) Điểm tự đánh giá: Có

d) Mức độ tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 1.2

a) Kết quả triển khai:

Quyết định ban hành Quy chế tổ chức dạy học trực tuyến.

b) Minh chứng: Quy chế tổ chức dạy học trực tuyến (QĐ ban hành Quy chế số 10, ngày 20/9/2025)

c) Điểm tự đánh giá: Có

d) Mức độ tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 1.3

a) Kết quả triển khai:

Nhà trường triển khai các nền tảng dạy học trực tuyến như Google Meet, Zoom, Google Classroom; các nhóm Zalo giáo viên và học sinh. Giáo viên sử dụng hệ thống để giao nhiệm vụ học tập, hướng dẫn học sinh học tập và tương tác trong quá trình dạy học.

b) Minh chứng: Hệ thống Google Classroom, Zoom Meeting, Google meet, các nhóm Zalo

c) Điểm tự đánh giá: 10/30 điểm

d) Mức độ tự đánh giá: Mức độ 2

Tiêu chí 1.4

a) Kết quả triển khai:

Nhà trường triển khai xây dựng học liệu số; giáo viên thực hiện số hóa bài giảng, ngân hàng câu hỏi, video bài học, tư liệu giảng dạy điện tử phục vụ công tác giảng dạy.

b) Minh chứng: Kho học liệu số; Danh mục học liệu số; Bài giảng điện tử.

c) Điểm tự đánh giá: 5/10 điểm

d) Mức độ tự đánh giá: Mức độ 2

Tiêu chí 1.5

a) Kết quả triển khai:

Triển khai kiểm tra, đánh giá trên máy tính thông qua các phần mềm và nền tảng trực tuyến.

b) Minh chứng: Kế hoạch kiểm tra đánh giá năm học 2025 – 2026 (Số 02/KHKT -THCSNT, ngày 21/9/2025); Phần mềm tổ chức kiểm tra trên máy tính:

c) Điểm tự đánh giá: 10/20 điểm

d) Mức độ tự đánh giá: Mức độ 2

Tiêu chí 1.6

a) Kết quả triển khai:

100% giáo viên có tài khoản trên hệ thống bồi dưỡng trực tuyến; giáo viên thường xuyên sử dụng phần mềm, công cụ hỗ trợ đổi mới phương pháp dạy học và xây dựng học liệu số.

b) Minh chứng: Danh sách tài khoản; Giấy chứng nhận tập huấn; Hồ sơ minh chứng ứng dụng CNTT.

c) Điểm tự đánh giá: 17/20 điểm

d) Mức độ tự đánh giá: Mức độ 3

Tiêu chí 1.7

a) Kết quả triển khai:

Nhà trường có hệ thống mạng Internet ổn định; các phòng học được trang bị tivi phục vụ dạy học; phòng máy Tin học đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học môn Tin học.

b) Minh chứng: Danh mục thiết bị; Biên bản kiểm kê tài sản; Hình ảnh phòng máy.

c) Điểm tự đánh giá: 08/20 điểm

d) Mức độ tự đánh giá: Mức độ 2

Kết quả tự đánh giá Tiêu chí 1:

Tổng điểm: 50/100 điểm

Xếp loại mức độ: Mức độ 2

2. Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục

Tiêu chí 2.1

a) Kết quả triển khai:

Nhà trường thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên.

b) Minh chứng: Quyết định thành lập Tổ CNTT số 12 ngày 18/9/2025; Phân công nhiệm vụ.

c) Điểm tự đánh giá: Có

d) Mức độ tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 2.2

a) Kết quả triển khai:

Nhà trường ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT và chuyển đổi số hằng năm.

b) Minh chứng: Kế hoạch chuyển đổi số, số 03 ngày 15/9/2025

c) Điểm tự đánh giá: Có

d) Mức độ tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 2.3

a) Kết quả triển khai:

Nhà trường triển khai hệ thống quản trị nhà trường trên phần mềm VnEdu, SMAS; sử dụng hồ sơ điện tử, sổ điểm điện tử, học bạ điện tử và quản lý đội ngũ, cơ sở vật chất.

b) Minh chứng: Hệ thống VnEdu; Sổ điểm điện tử; Hồ sơ quản lý điện tử.

c) Điểm tự đánh giá: 52/70 điểm

d) Mức độ tự đánh giá: Mức độ 3

Tiêu chí 2.4

a) Kết quả triển khai:

Nhà trường triển khai kết nối giữa gia đình và nhà trường qua ứng dụng Zalo, VnEdu; thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt và hỗ trợ tuyển sinh trực tuyến.

b) Minh chứng: Thông báo tuyển sinh; Hệ thống VnEdu; Hồ sơ thanh toán điện tử.

c) Điểm tự đánh giá: 26/30 điểm

d) Mức độ tự đánh giá: Mức độ 3

Kết quả tự đánh giá Tiêu chí 2:

Tổng điểm: 78/100 điểm

Xếp loại mức độ: Mức độ 3

3. Kết quả tự đánh giá mức độ chuyển đổi số của đơn vị

Tổng điểm tự đánh giá: 128/200 điểm

Điểm quy đổi: 64/100 điểm

Xếp loại mức độ chuyển đổi số: Mức độ 2

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Trong thời gian qua, công tác chuyển đổi số của nhà trường đã từng bước đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

Nhà trường đã triển khai tương đối đồng bộ các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành và tổ chức dạy học. Hệ thống cơ sở dữ liệu của nhà trường được cập nhật đầy đủ, phục vụ hiệu quả cho công tác quản lý học sinh, giáo viên và báo cáo số liệu ngành. Các phần mềm quản lý nhà trường, hồ sơ điện tử, học bạ điện tử, sổ điểm điện tử được sử dụng thường xuyên, góp phần giảm tải hồ sơ giấy tờ, nâng cao hiệu quả công việc.

Trong hoạt động dạy học, 100% giáo viên đã ứng dụng công nghệ thông tin vào soạn giảng, khai thác học liệu số, sử dụng thiết bị trình chiếu và các phần mềm hỗ trợ giảng dạy. Nhiều giáo viên chủ động xây dựng bài giảng điện tử, sử dụng các nền tảng học tập trực tuyến, nhằm nâng cao chất lượng dạy học và tạo hứng thú học tập cho học sinh.

Nhà trường cũng chú trọng triển khai các hoạt động tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên. Nhận thức và năng lực ứng dụng công nghệ của đội ngũ từng bước được nâng cao, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ trong tình hình mới.

Công tác trao đổi thông tin giữa nhà trường với phụ huynh học sinh được thực hiện nhanh chóng thông qua các nền tảng số như website, nhóm Zalo, sổ liên lạc điện tử, góp phần nâng cao hiệu quả phối hợp giáo dục học sinh.

Nhìn chung, việc triển khai chuyển đổi số đã góp phần đổi mới phương pháp quản lý, phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng giáo dục và từng bước xây dựng môi trường giáo dục hiện đại, hiệu quả.

2. Khó khăn, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình triển khai chuyển đổi số tại nhà trường vẫn còn một số khó khăn, hạn chế nhất định.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị công nghệ thông tin tuy đã được quan tâm đầu tư nhưng vẫn chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu thực tế. Một số máy tính đã cũ, cấu hình thấp, ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng trong giảng dạy và quản lý. Hệ thống mạng Internet đôi lúc chưa ổn định, hệ thống dây dẫn của các TV thường hỏng do tăng số sử dụng cao, đặc biệt vào thời điểm nhiều người truy cập cùng lúc.

Nguồn kinh phí dành cho đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin và chuyển đổi số còn hạn chế nên việc nâng cấp, bổ sung thiết bị chưa được thực hiện đồng bộ.

Một bộ phận giáo viên lớn tuổi còn gặp khó khăn trong việc tiếp cận và sử dụng các phần mềm, nền tảng số mới. Việc xây dựng học liệu số, bài giảng E-learning tuy đã được triển khai nhưng số lượng và chất lượng chưa thật sự đồng đều giữa các tổ chuyên môn.

Bên cạnh đó, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin của một số học sinh còn hạn chế; phòng máy tính của nhà trường số lượng máy phục vụ dạy học còn thiếu nhiều; điều kiện trang thiết bị học tập tại gia đình của một số em chưa đảm bảo, ảnh hưởng đến việc học tập và tham gia các hoạt động trực tuyến khi cần thiết.

3. Phương hướng, nhiệm vụ thời gian tới

Trong thời gian tới, nhà trường tiếp tục đẩy mạnh triển khai chuyển đổi số theo hướng đồng bộ, thiết thực và hiệu quả; xem đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và công tác quản lý nhà trường.

Tiếp tục tham mưu với các cấp quản lý giáo dục, chính quyền địa phương để đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, trang thiết bị dạy học hiện đại, đảm bảo đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong giai đoạn mới.

Đẩy mạnh công tác bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên; khuyến khích giáo viên đổi mới phương pháp giảng dạy, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng và chia sẻ học liệu số.

Tiếp tục hoàn thiện cơ sở dữ liệu số của nhà trường; nâng cao hiệu quả sử dụng các phần mềm quản lý, hồ sơ điện tử và các nền tảng dạy học trực tuyến.

Tăng cường giáo dục kỹ năng số, kỹ năng khai thác và sử dụng Internet an toàn cho học sinh; đồng thời đẩy mạnh phối hợp với phụ huynh trong việc hỗ trợ học sinh học tập trên môi trường số.

Nhà trường cũng sẽ tiếp tục rà soát, đánh giá kết quả thực hiện chuyển đổi số hằng năm để kịp thời điều chỉnh, bổ sung các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả triển khai trong toàn đơn vị.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- Đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp tục tổ chức các lớp tập huấn về chuyển đổi số cho giáo viên.

- Hỗ trợ kinh phí đầu tư trang thiết bị CNTT phục vụ dạy học và quản lý.

Cung cấp thêm các phần mềm quản lý và học liệu số dùng chung cho các trường học.

Trên đây là báo cáo kết quả tự đánh giá chuyển đổi số của Trường THCS Nghĩa Thương./.

Nơi nhận:

- Phòng VH-XH Tư Nghĩa;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG


Phạm Nhân Tạo

Tư Nghĩa, ngày 22 tháng 05 năm 2026

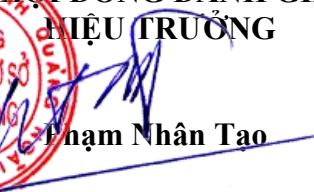
BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ
CỦA TRƯỜNG THCS NGHĨA THƯỜNG

STT	Tiêu chí	Bộ chỉ số theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT				Kết quả tự đánh giá của đơn vị			
		Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú/Minh chứng	Điểm thành phần	Tổng điểm	Mức độ	Đường link dẫn đến văn bản, tài liệu minh chứng phục vụ công tác kiểm tra, đánh giá của cơ quan quản lý cấp trên
						Đối với các tiêu chí là “Điều kiện bắt buộc” thì ghi “Có” hoặc “Không có” thay cho ghi điểm			
1.	Chuyển đổi số trong dạy, học	100							
1.1.	Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp; ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch tổ chức dạy học hằng năm)				Điều kiện bắt buộc		Có	Đạt	Kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến số 05, ngày 20/9/2025
1.2.	Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến				Điều kiện bắt buộc		Có	Đạt	Quy chế tổ chức dạy học trực tuyến (QĐ ban hành Quy chế số 10, ngày 20/9/2025)
1.3.	Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến: - Có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp (ghi tên)	30	Tối đa 6 điểm	Mức độ 1: dưới 10 điểm	Đường link	4	10	Mức độ 2	- Phần mềm LMS - Phần mềm dạy học: zoom meeting Microsoft Teams (đường link: Zoom.org.vn microsoft.com) - Phần mềm https://meet.google.com/
	- Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS) (cung cấp thông tin: Tên giải pháp, tự xây dựng/thuê/mua). - Hệ thống LMS/LCMS có triển khai các chức năng: (1) Giáo viên giao bài cho học sinh tự học; (2) Giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh; (3) Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên; (4) Phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh.		Tối đa 24 điểm, mỗi chức năng triển khai tối đa 6 điểm.	Mức độ 2: từ 10 - 20 điểm Mức độ 3: trên 20 điểm		6			- Phần mềm LMS - Phần mềm dạy học: zoom meeting Microsoft Teams (đường link: Zoom.org.vn microsoft.com)
1.4.	Số lượng học liệu được số hóa (đã được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt).	10	- Ít hơn 20 học liệu: tối đa 3 điểm. - Ít hơn 40 học liệu: tối đa 6 điểm. - Nhiều hơn 40 học liệu: tối đa 10 điểm	Mức độ 1: dưới 4 điểm Mức độ 2: từ 4 - 6 điểm Mức độ 3: trên 7 điểm	Đường link và số lượng học liệu	5	5	Mức độ 2	https://drive.google.com/drive/folders/1DIBWuMvQQRu4q6Iujo-p2C7NUrhOeOum?usp=sharing
1.5.	Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính; có phần mềm, máy tính kết nối mạng LAN	20	Tối đa 15 điểm	Mức độ 1: dưới 8 điểm	Quy chế /Kế hoạch /văn bản	8	10	Mức độ 2	Kế hoạch kiểm tra đánh giá năm học 2025 – 2026 (Số 02/KHKT -THCSNT, ngày

	(cung cấp thông tin: tên giải pháp phần mềm)			Mức độ 2: từ 8 - triển khai 14 điểm				21/9/2025)
	Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường		Tối đa 5 điểm	Mức độ 3: trên 14 điểm	2			Phần mềm tổ chức kiểm tra trên máy tính: google form, azota
1.6.	Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số: - Tỷ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu	20	< 30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; > 60%: tối đa 7 điểm	Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm	7	17	Mức độ 3	https://temis.cSDL.edu.vn/ https://taphuan.cSDL.edu.vn/
	- Tỷ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học		< 30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; > 60%: tối đa 7 điểm		5			- Phần mềm LMS - Phần mềm dạy học: zoom meeting Microsoft Teams (đường link: Zoom.org.vn microsoft.com)
	- Tỷ lệ giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử		< 30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; > 60%: tối đa 6 điểm		5			https://drive.google.com/drive/folders/1DIBWuMvQQRu4q6Iujo-p2C7NurhOeOum?usp=sharing
1.7.	Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học: - Tỷ lệ phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet trên tổng số phòng học	20	< 20%: tối đa 2 điểm; 20%-60%: tối đa 5 điểm; > 60%: tối đa 8 điểm	Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm	6	8	Mức độ 2	Ti vi kết nối Internet trong các phòng học đạt 80%
	Mức độ đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học: + Mức độ 1 (Chưa đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học): Với Tiểu học có nhiều hơn 3 học sinh phải học chung 1 máy tính; THCS có nhiều hơn 2 học sinh phải học chung 1 máy tính; THPT có nhiều hơn 1 học sinh phải học chung 1 máy tính. + Mức độ 2 (Đáp ứng cơ bản yêu cầu dạy môn tin học): Với Tiểu học có 2-3 học sinh phải học chung 1 máy tính; THCS có 2 học sinh phải học chung 1 máy tính; THPT mỗi học sinh được học 1 máy tính. + Mức độ 3 (Đáp ứng tốt yêu cầu dạy môn tin học): Với Tiểu học đáp ứng mỗi học sinh học trên 1 máy tính; THCS đáp ứng mỗi học sinh học trên 1 máy tính; THPT đáp ứng mỗi học sinh học trên 1 máy tính.		Mức độ 1: tối đa 2 điểm; Mức độ 2: tối đa 5 điểm; Mức độ 3: tối đa 7 điểm		2			Phòng tin học: 24 máy
	- Có phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử)		Tối đa 5 điểm		0			
2.	Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục	100						
2.1.	Cơ sở giáo dục thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số (thông tin: Họ tên, chức vụ, email, điện thoại)				Điều kiện bắt buộc	có	Đạt	Quyết định thành lập tổ CNTT, chuyển đổi số
2.2.	Có ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số				Điều kiện bắt buộc	có	Đạt	Kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số SỐ

									03 ngày 15/9/2025  Kế hoạch CNTT, chuyển đổi số. 25-26
2.3.	Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường (cung cấp thông tin: tên giải pháp, tự xây dựng/mua/thuê): - Có ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường	70	Tối đa 6 điểm	Mức độ 1: dưới 20 điểm Mức độ 2: từ 20-50 điểm Mức độ 3 : trên 50 điểm	Đường link/ Quy chế/ văn bản hướng dẫn	6	52	Mức độ 3	https://vnedu.vn/ https://csdl.moet.gov.vn/
	- Có triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập)		Tối đa 6 điểm			6			https://vnedu.vn/ https://csdl.moet.gov.vn/
	- Có triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử		File PDF: tối đa 3 điểm; Áp dụng chứng thư số: tối đa 10 điểm			6			https://vnedu.vn/
	- Có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV		Tối đa 6 điểm			6			https://cbccvc.quangngai.gov.vn
	- Có triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất		Tối đa 10 điểm			8			 TSCĐ1.pdf  TSCĐ2.pdf
	- Có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh		Tối đa 10 điểm			8			Phần mềm quản lý tài sản của nhà nước - https://csdl.moet.gov.vn/ - Thực hiện theo TTLT số 13/TTLT qui định về công tác y tế trường học.
	- Có triển khai phân hệ quản lý kế toán		Tối đa 6 điểm			6			Phần mềm kế toán Ánh Mai
	- Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành (do Bộ quản lý)		Tối đa 6 điểm			6			- https://csdl.moet.gov.vn/
2.4.	Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến: - Có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường (thông tin: Qua OTT (Over The Top) hoặc qua ứng dụng web)	30	Tối đa 8 điểm	Mức độ 1: dưới 10 điểm Mức độ 2: từ 10-18 điểm Mức độ 3: trên 18 điểm	Đường link/ Quy chế/ Văn bản	6	26	Mức độ 3	Zalo nhóm lớp, websitetrường: https://c2nghiathuong-tunghia.quangngai.edu.vn/ https://qlhs.tsdc.edu.vn/
	- Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến:		Tối đa 12 điểm			12			
	- Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt		Tối đa 10 điểm			8			- Phần mềm Yoyoschool
	Tổng cộng	200					118	Mức độ 2	
	Kết quả chung						59/100	Mức độ 2	

**TM HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ
HIỆU TRƯỞNG**

 
Phạm Nhân Tạo

